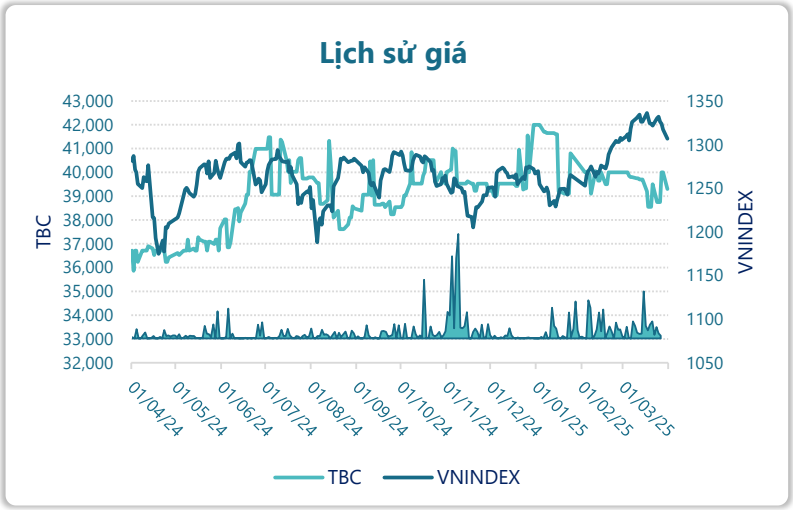
FireAnt

CTCP Thủy điện Thác Bà (HSX: TBC)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**39,300**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	42,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	35,864
SL cổ phiếu LH	63,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	885
% sở hữu nước ngoài	1.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,496
P/E	14.9
EPS	2,642

DT thuần

Q1/25

102

tỷ VNĐ

QoQ: ▼34.0| -25.2%

YoY: ▼9.00| -8.4%

LN sau thuế

Q1/25

40.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▼8.80| -18.0%

YoY: ▼10.3| -20.5%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

51.1%

+/- YoY: ▲ 0.7%

DT thuần

2024

539

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 108| 25.0%

LN sau thuế

2024

229

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 60.0| 35.6%

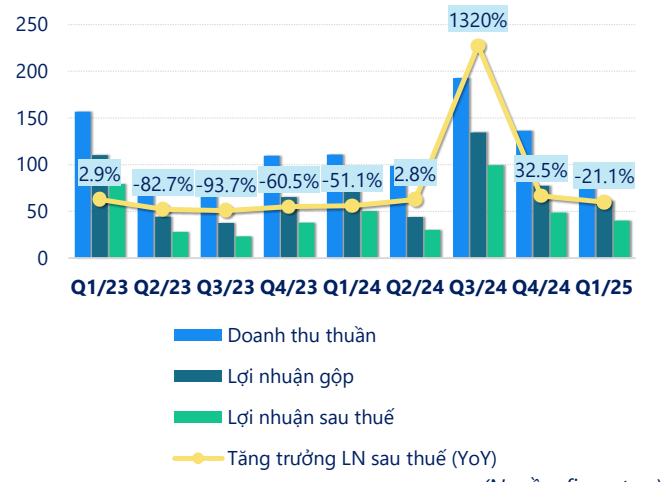
ROE

2024

13.2%

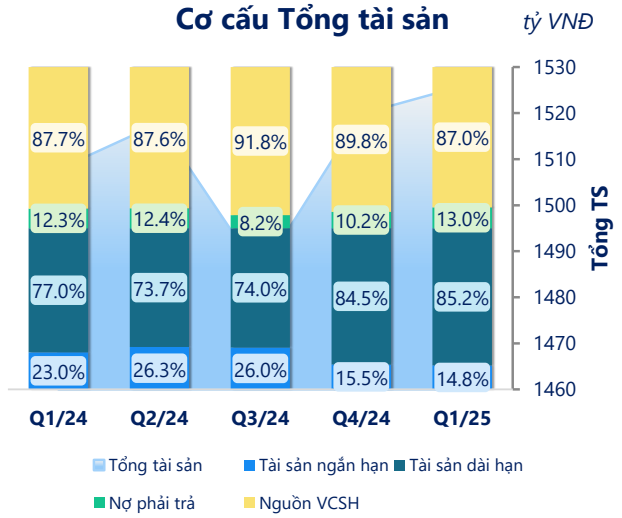
+/- YoY: ▲ 3.9%

Kết quả kinh doanh



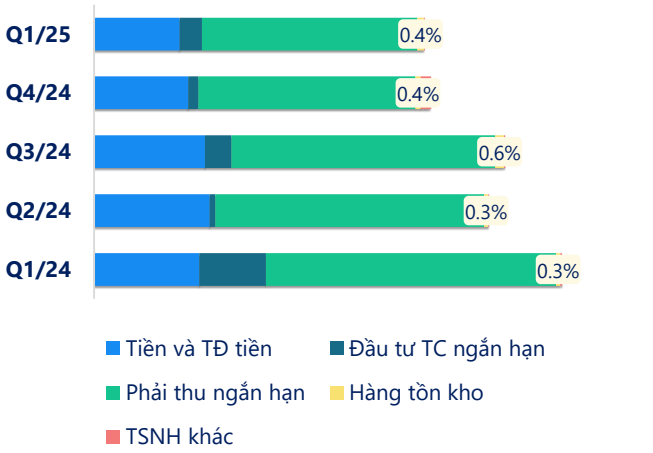
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



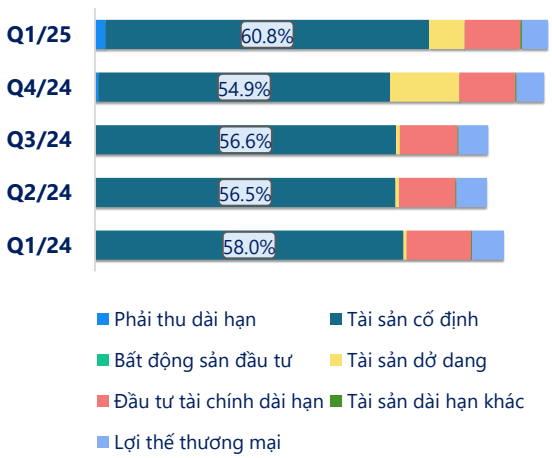
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



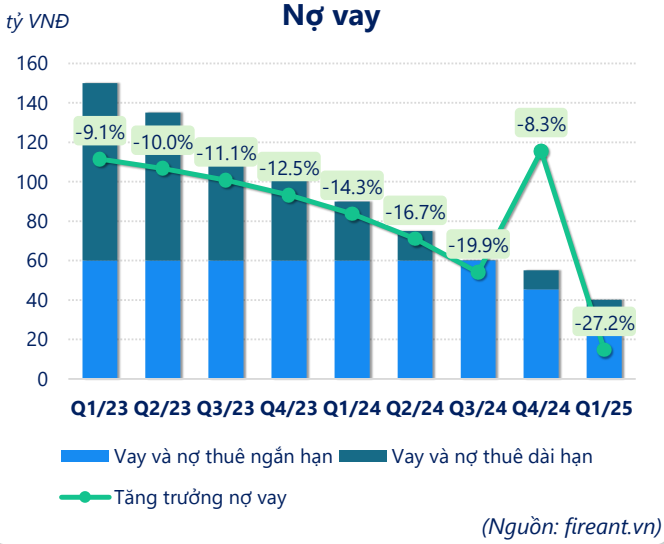
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



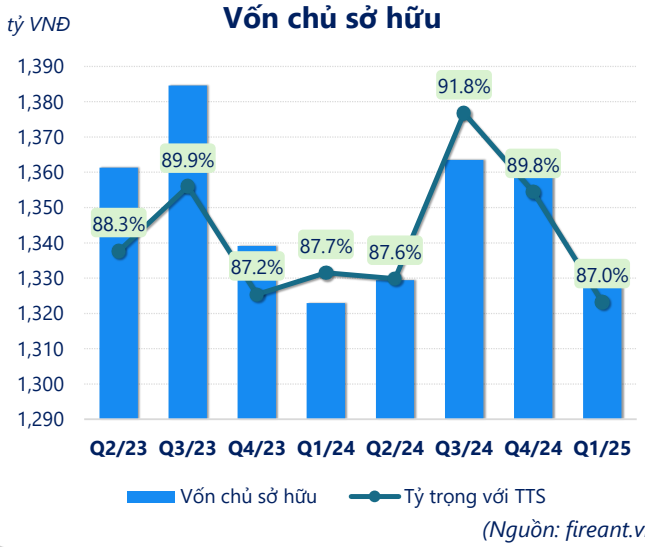
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



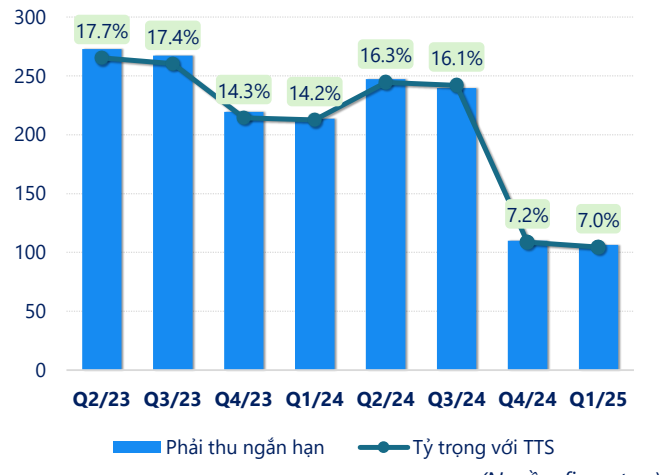
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



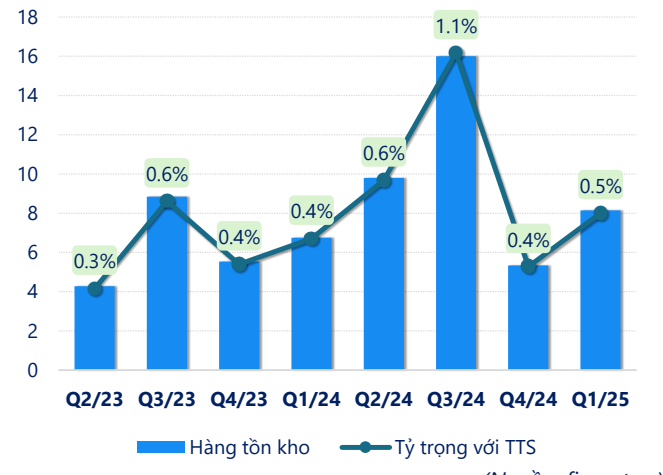
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



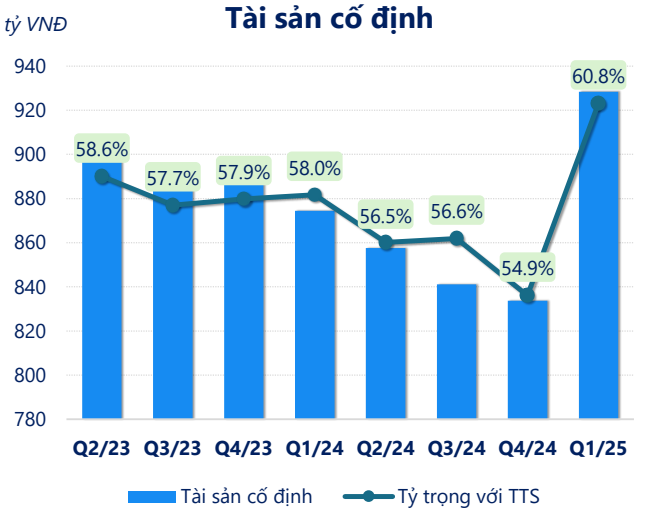
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



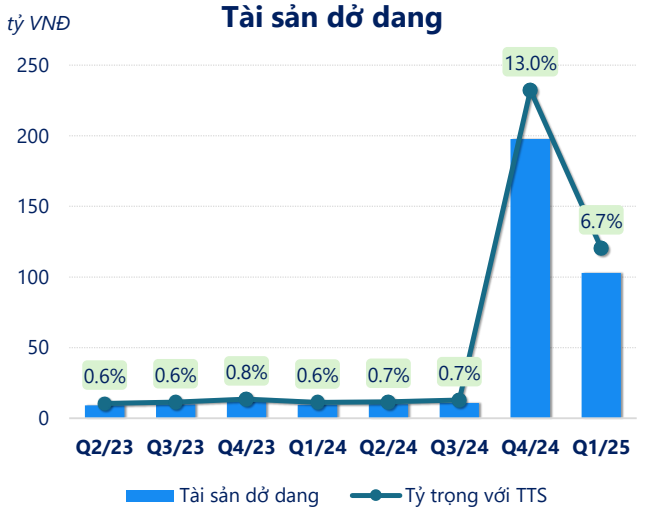
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



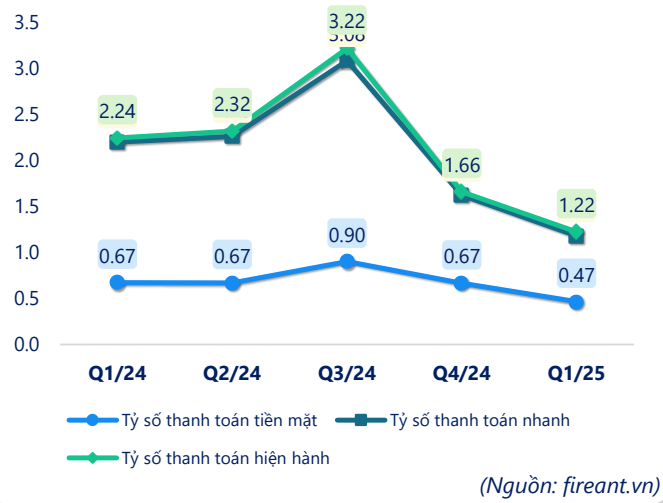
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



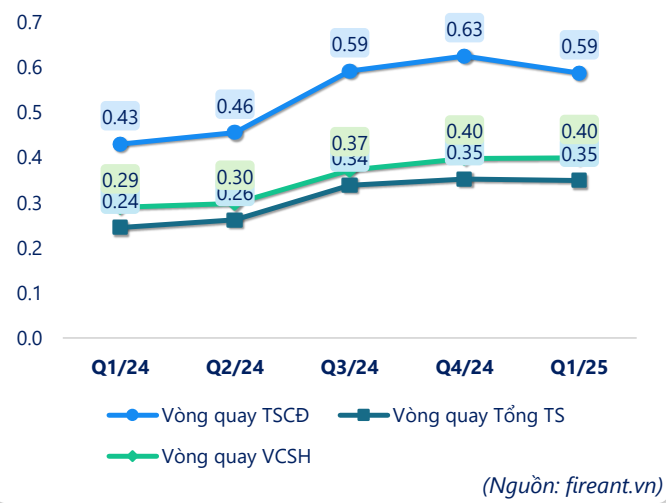
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**1,508**	**1,518**	**1,485**	**1,520**	**1,526**
Tài sản ngắn hạn	**348**	**399**	**387**	**235**	**226**
Tiền và tương đương tiền	104	115	108	94.3	86.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	22.0	25.7	22.2	22.0	20.3
Phải thu ngắn hạn	214	247	240	110	106
Hàng tồn kho	6.74	9.79	16.0	5.34	8.15
Tài sản ngắn hạn khác	0.83	0.61	0.58	3.75	5.10
Tài sản dài hạn	**1,160**	**1,119**	**1,098**	**1,284**	**1,300**
Phải thu dài hạn	0	0	0	10.0	30.0
Tài sản cố định	874	858	841	834	928
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	9.46	9.97	10.7	198	103
Đầu tư tài chính dài hạn	182	162	161	160	159
Tài sản dài hạn khác	2.47	2.38	2.00	3.30	4.17
Lợi thế thương mại	91.5	87.4	83.3	79.2	75.1
Nợ phải trả	**185**	**188**	**122**	**155**	**198**
Nợ ngắn hạn	**155**	**172**	**120**	**142**	**184**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	60.0	60.0	60.0	45.4	30.8
Phải trả người bán ngắn hạn	1.86	7.62	9.86	27.0	26.4
Nợ dài hạn	30.0	16.3	1.49	13.2	14.0
Vay và nợ thuê dài hạn	30.0	15.0	0.10	9.68	9.26
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,323**	**1,329**	**1,363**	**1,365**	**1,327**
Vốn chủ sở hữu	**1,323**	**1,329**	**1,363**	**1,365**	**1,327**
Vốn điều lệ	635	635	635	635	635
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)